



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Ngân Sơn

Ngày 30/06/2025	13,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	25.6%	29.0%	35.0%

DT thuần Q2/25
305
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 204 202%
YoY: ▲ 125 69.4%

LN thuần Q2/25
12.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.17 132%
YoY: ▲ 5.59 79.8%

LN sau thuế Q2/25
10.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.57 126%
YoY: ▲ 4.28 75.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
4.5%
YoY: +/- ▼ 1.5%

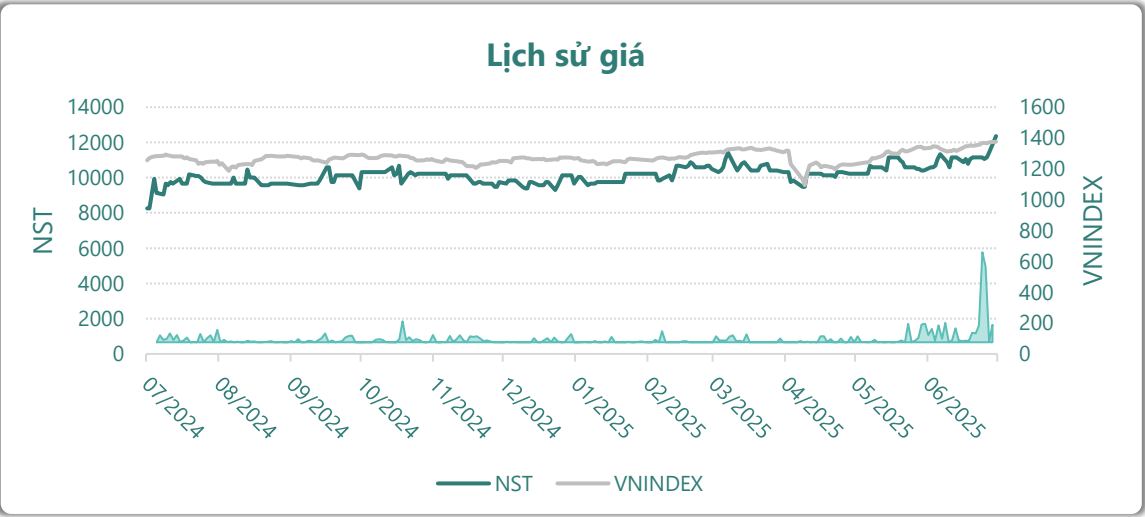
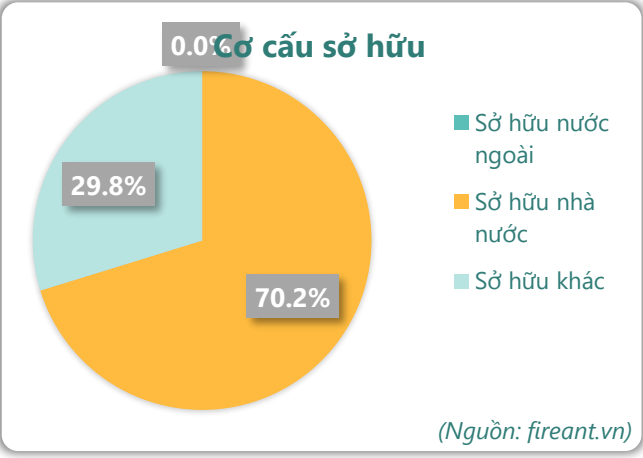
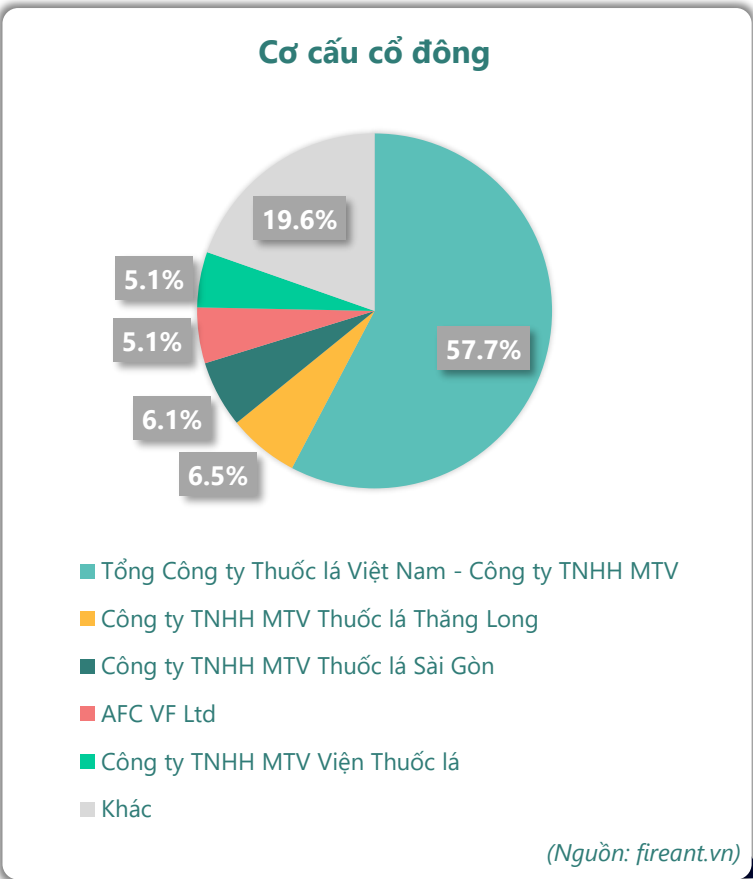
ROE (TTM) Q2/25
12.1%
YoY: +/- ▲ 2.7%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,257 - 12,357
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	149
Số lượng CPLH (CP)	11,202,003
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,890
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.54
EPS	1,962
P/E	6.8

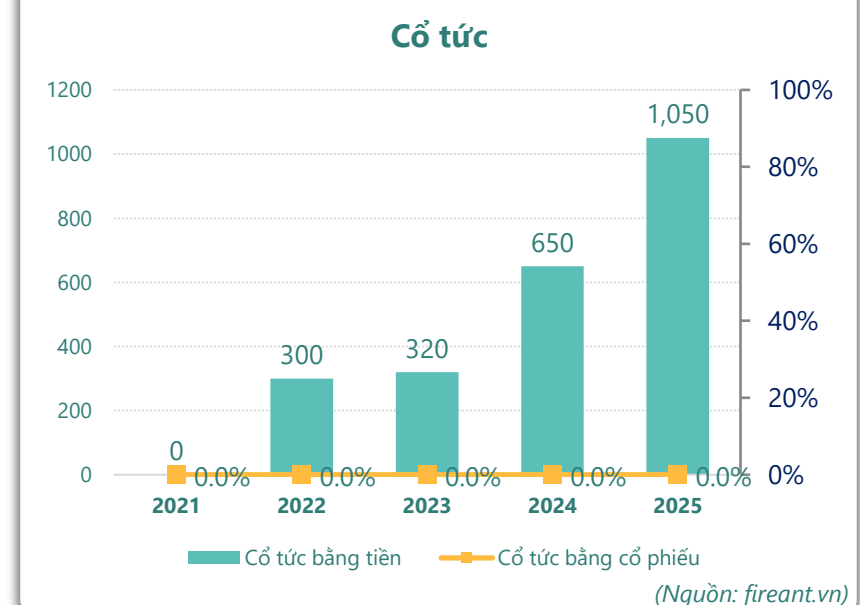
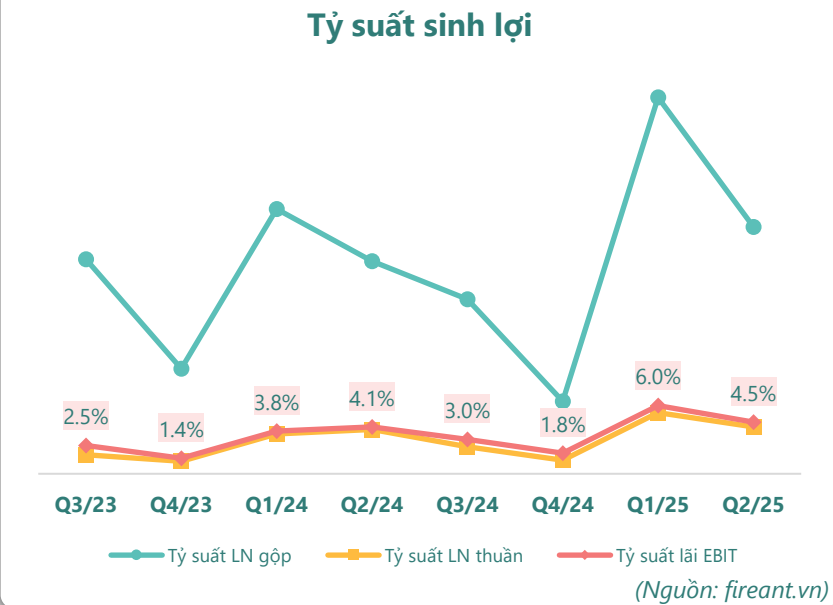
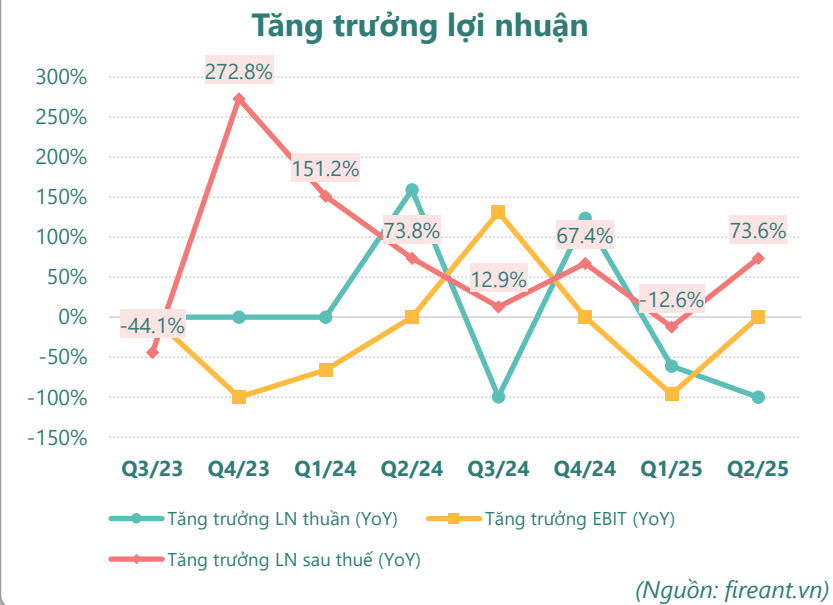
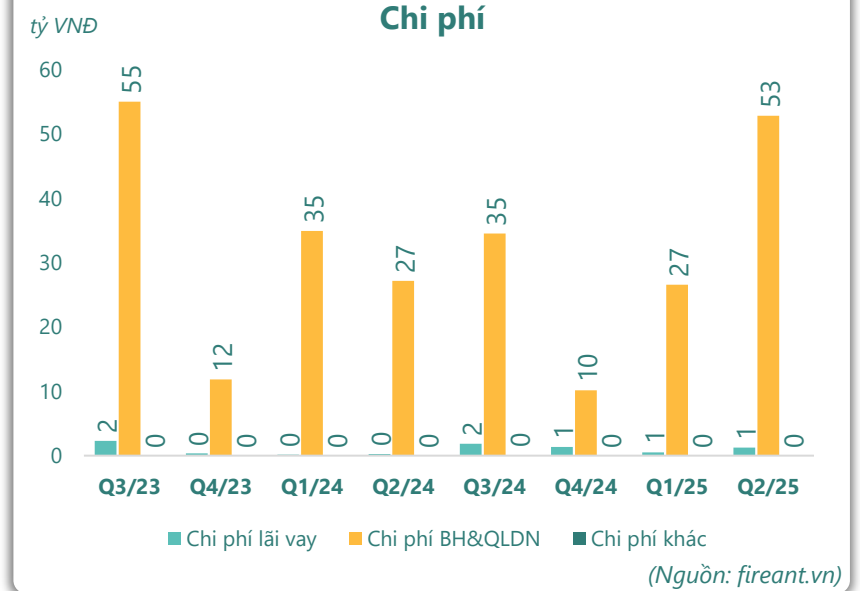
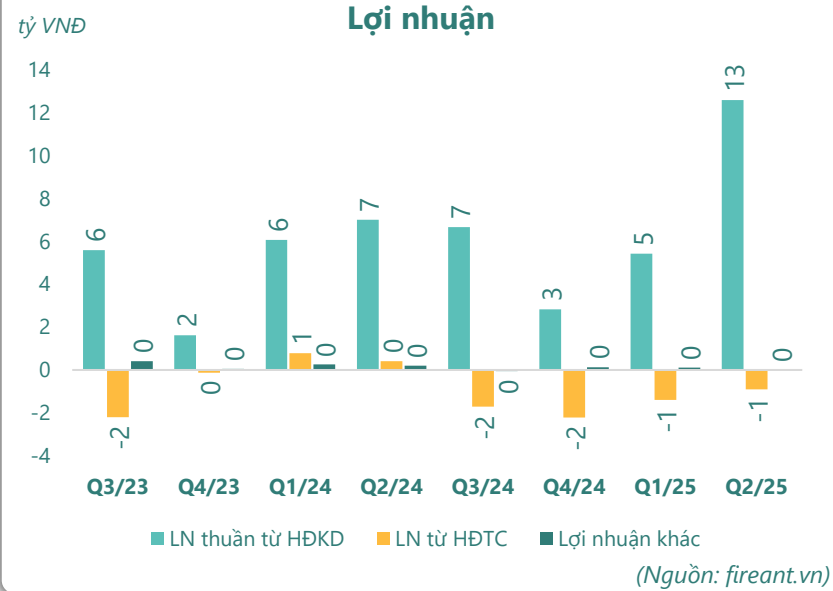
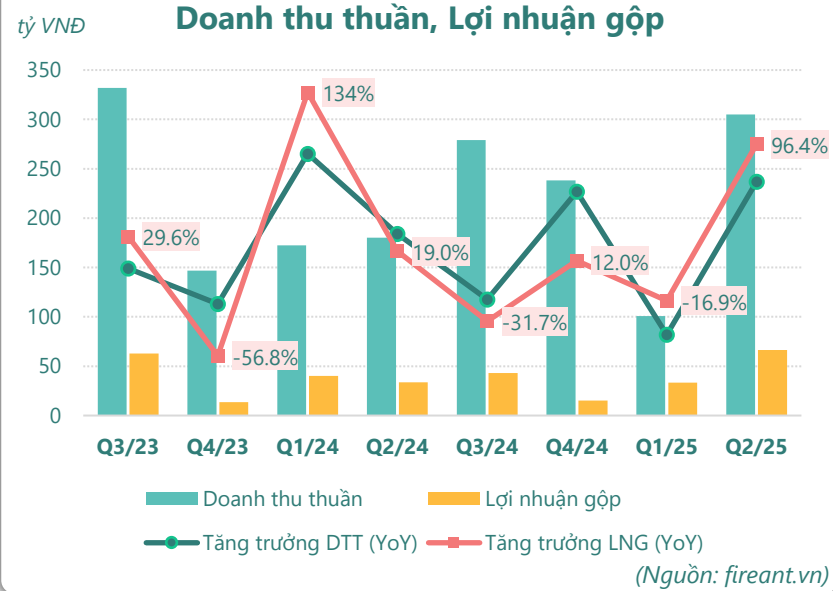
DT thuần 6T 2025
406
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 54.0 15.1%

LN thuần 6T 2025
18.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.90 37.8%

LN sau thuế 6T 2025
14.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.60 34.0%



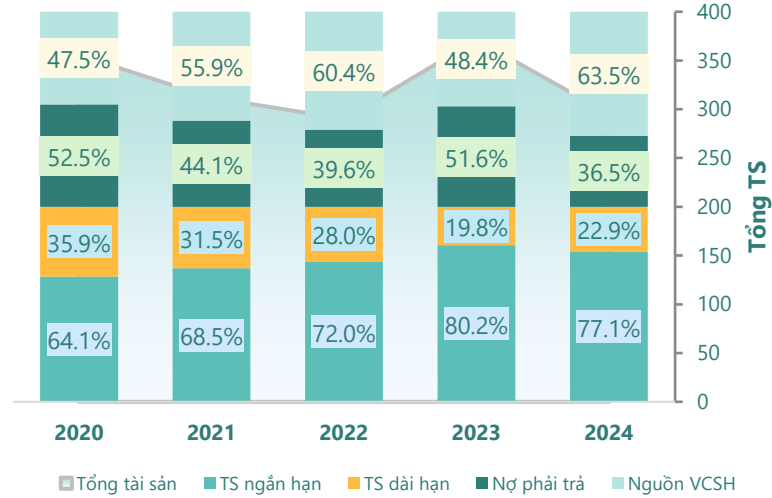
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

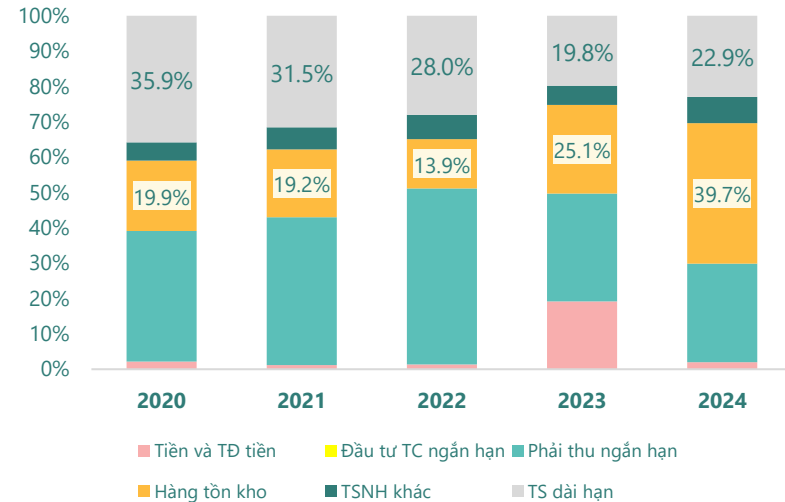
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

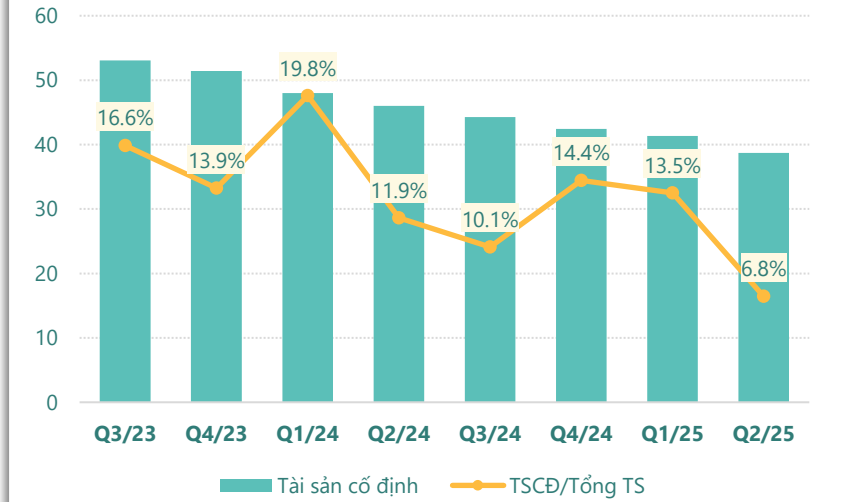
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

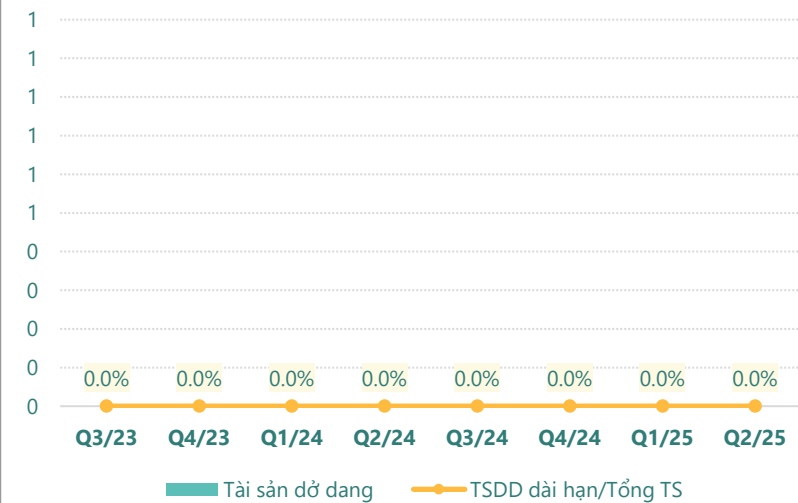
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

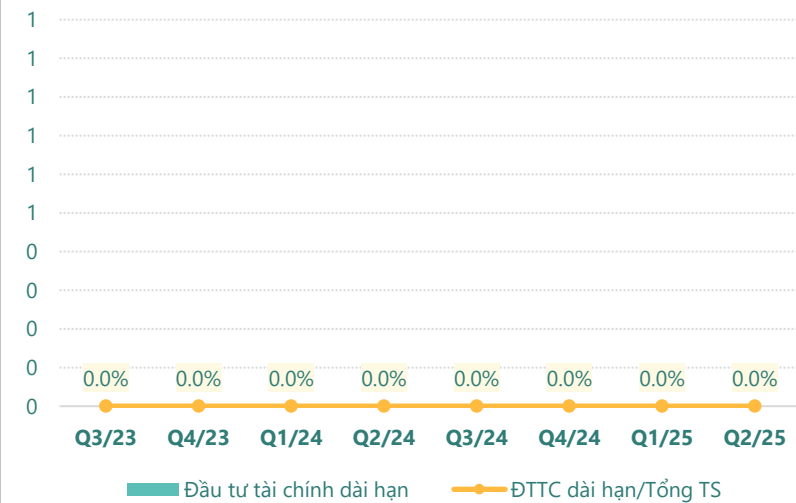
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

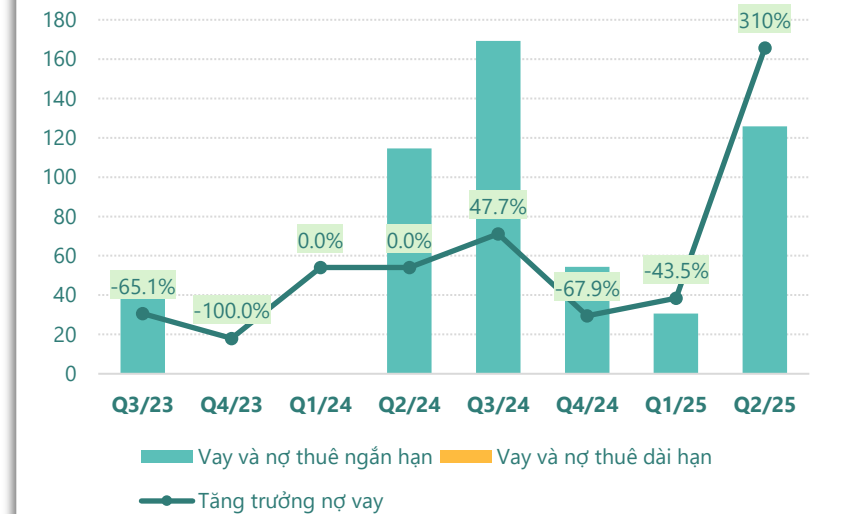
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

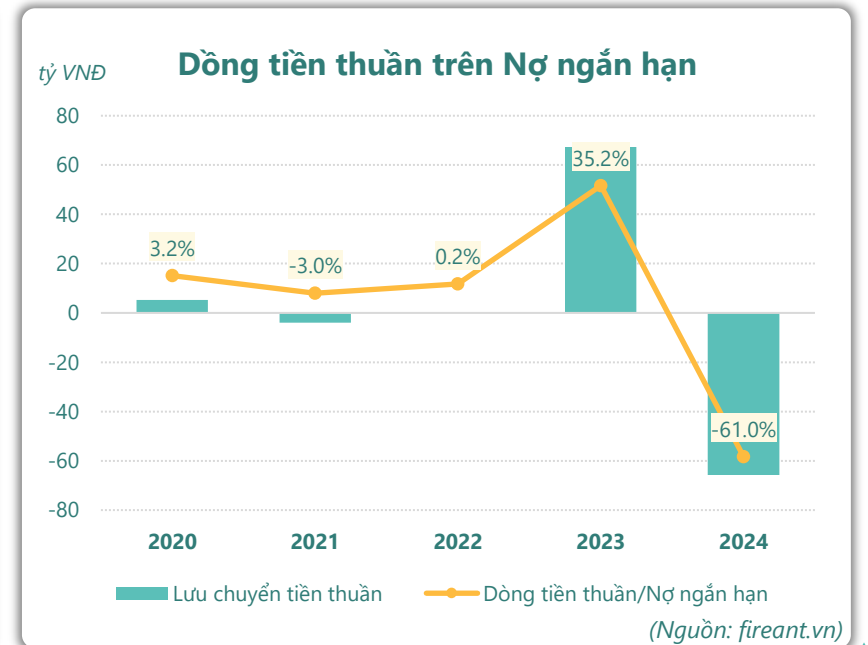
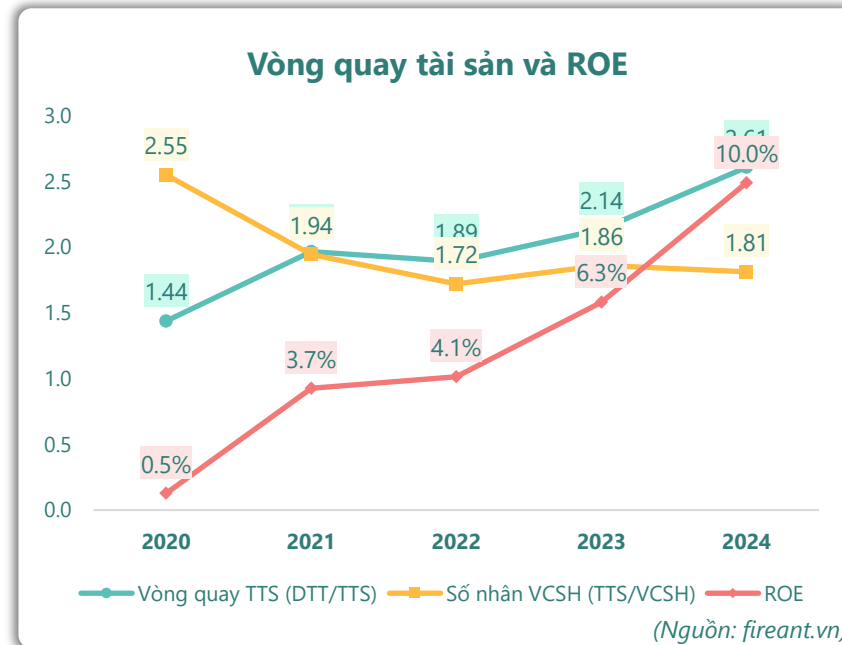
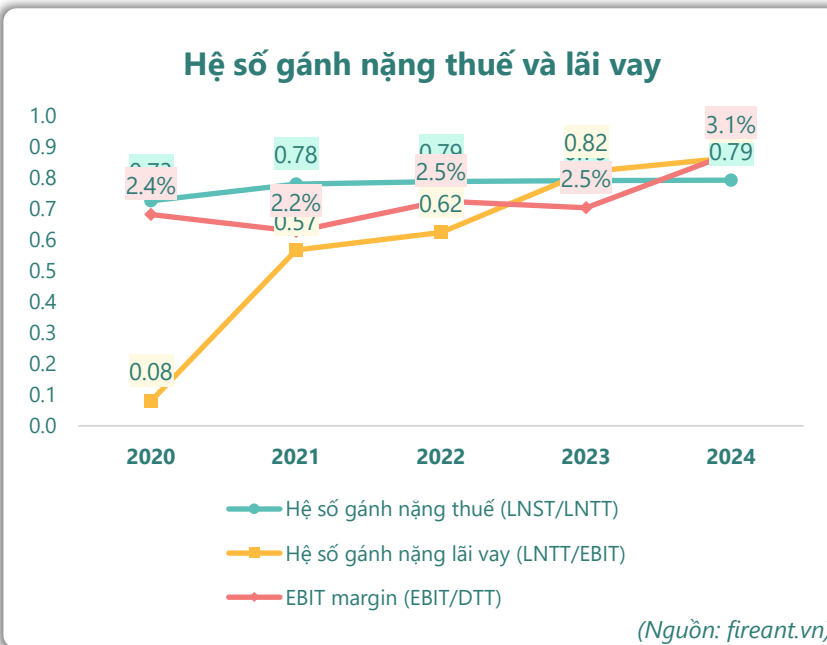
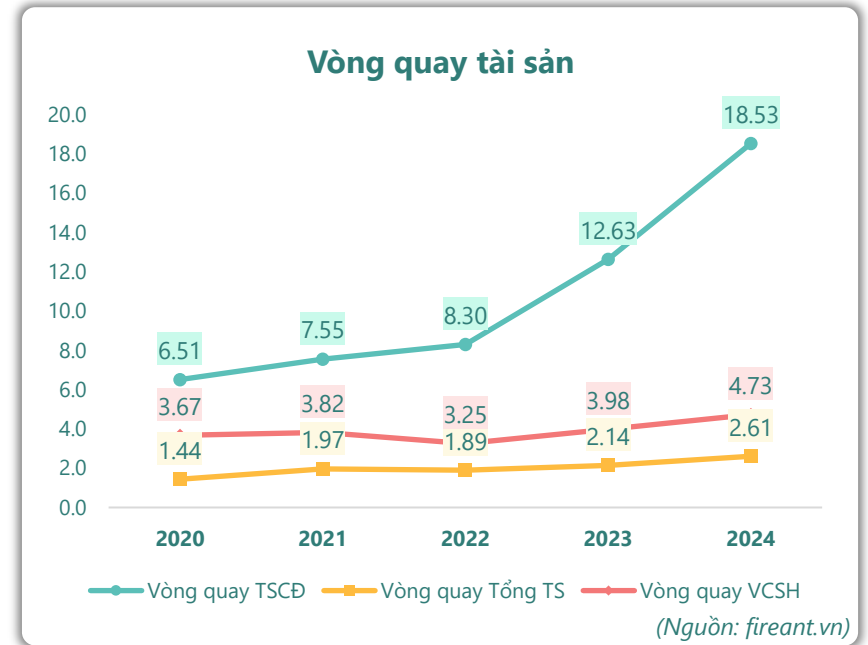
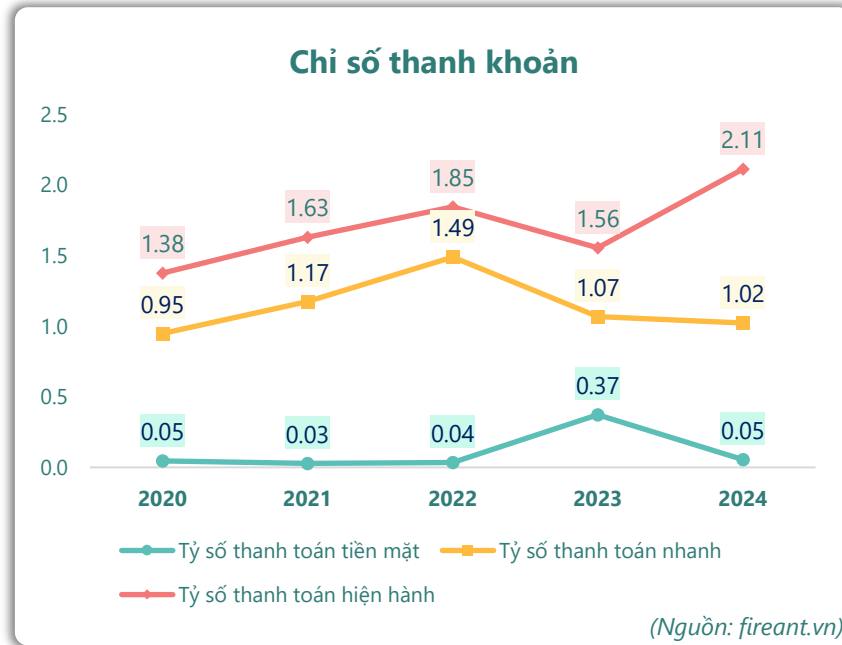
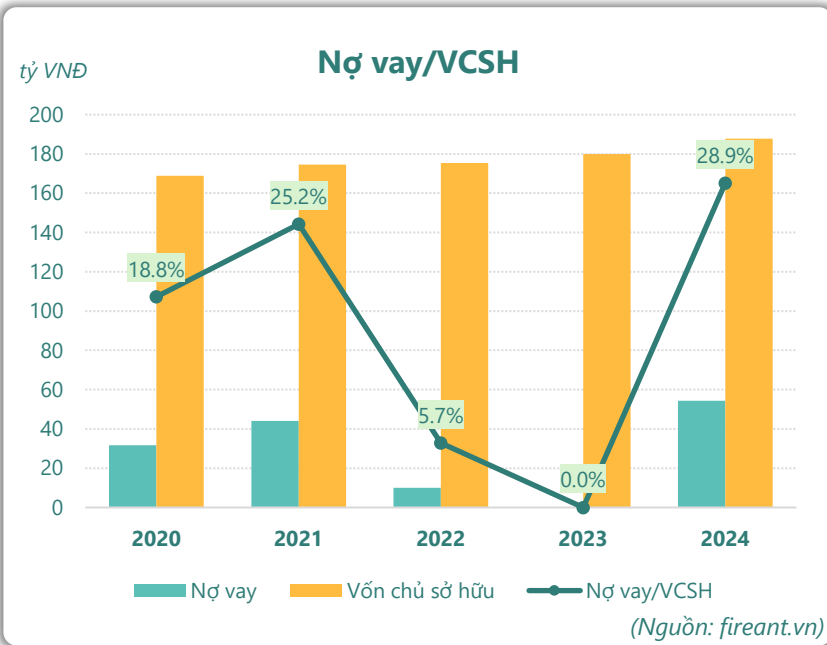
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	305	180	69.4%	406	352	15.1%
Giá vốn hàng bán	239	146	63.4%	306	278	9.9%
Lợi nhuận gộp	66.4	33.8	96.4%	99.8	74.0	34.8%
Doanh thu HĐTC	0.36	0.65	-43.9%	0.68	1.82	-62.4%
Chi phí TC	1.26	0.24	426%	2.99	0.62	378%
Chi phí lãi vay	1.26	0.24	426%	1.78	0.40	341%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	8.03	4.50	78.4%	11.0	8.60	28.3%
Chi phí QLDN	44.8	22.7	97.5%	68.4	53.5	27.8%
LN thuần từ HĐKD	12.6	7.01	79.8%	18.0	13.1	37.8%
Lợi nhuận khác	0	0.19	-100%	0.10	0.45	-76.7%
LN trước thuế	12.6	7.21	74.8%	18.1	13.5	34.0%
Lợi nhuận sau thuế	10.0	5.72	75.2%	14.4	10.8	34.0%
LNST của CĐ cty mẹ	10.0	5.72	75.2%	14.4	10.8	34.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-20.1	-152	-53.7	125	27.4	-97.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.85	-2.53	-2.78	-5.40	-4.28	-0.40
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	115	54.7	-122	-23.7	95.2
Tiền đầu kỳ	71.4	50.7	10.3	8.52	5.88	5.30
Lưu chuyển tiền thuần	-20.9	-40.3	-1.82	-2.64	-0.58	-2.64
Ảnh hưởng tỷ giá	0.24	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	50.7	10.3	8.52	5.88	5.30	2.66

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	565	296	91.2%
Tài sản ngắn hạn	502	228	120%
Tiền và tương đương tiền	2.66	5.88	-54.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	148	82.5	79.2%
Hàng tồn kho	327	117	178%
Tài sản ngắn hạn khác	24.7	22.0	12.4%
Tài sản dài hạn	63.2	67.8	-6.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	38.7	42.4	-8.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	24.5	25.3	-3.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	382	108	255%
Nợ ngắn hạn	382	108	255%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	126	54.3	132%
Phải trả người bán ngắn hạn	141	11.7	1101%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	183	188	-2.5%
Vốn chủ sở hữu	183	188	-2.5%
Vốn điều lệ	112	112	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

